

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-7-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga

2. Bà Phan Thị Dòn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Hoàng Phương Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 73/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 423/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà **Kim Thị G**, sinh ngày: 23/6/1982

Căn cước công dân số 084182000295 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 18/9/2022.

Nơi thường trú: ấp M, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện tại: Số 507A7/20 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Hoàng T**, sinh ngày: 21/4/1983

Căn cước công dân số 080083018398 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 02/11/2021.

Nơi thường trú: ấp M, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chỗ ở hiện tại: ấp M, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Kim Thị G trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 25/02/2010. Sau khi về chung sống một thời gian thì đến nay cuộc sống giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh những mâu thuẫn do tính tình, quan điểm hai vợ chồng không còn hòa hợp, cuộc sống không còn hạnh phúc. Nhận thấy hiện nay vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau, thật sự không còn tình cảm và giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa. Sau một thời gian dài suy nghĩ kỹ càng, bà nộp đơn xin ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Kim Uyên, sinh ngày: 09/10/2007 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày: 27/11/2010. Khi ly hôn, bà yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C; bà G không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 02 năm 2025, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Ông và bà Kim Thị G bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 25/02/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau khi chung sống một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình, quan điểm của hai vợ chồng không còn hòa thuận, cuộc sống không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà G.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Kim Uyên, sinh ngày: 09/10/2007 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày: 27/11/2010. Khi ly hôn, ông yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C; ông yêu cầu bà Kim Thị G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho mỗi trẻ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị G.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Giao 02 trẻ tên Nguyễn Kim Uyên và Nguyễn Thị Kim C cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng T do bà G không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Kim Thị G khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Bình Đông, Thành phố Hồ Chí Minh) do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Kim Thị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 14/HT2010, quyền số: 01 thể hiện ông Nguyễn Hoàng T và bà Kim Thị G đăng ký kết hôn vào ngày 25/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là xã Hòa Khánh, tỉnh Tây Ninh). Căn cứ Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010) thì quan hệ hôn nhân của bà G và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị G: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Tại bản tự khai, ông T xác nhận vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà G.

[5] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*.

[6] Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy sau thời gian chung sống giữa bà G và ông T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc được thể hiện thông qua việc bà G nộp đơn xin ly hôn và ông T cũng đồng ý. Điều này cho thấy quan hệ hôn nhân của bà G và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Do đó, bà Kim Thị G yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà G và ông T cùng xác nhận có 02 con chung tên là Nguyễn Kim Uyên, sinh ngày: 09/10/2007 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày: 27/11/2010. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà G và ông T không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Bà G yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu nuôi dưỡng hai con và yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho mỗi trẻ.

[8] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[9] Tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 24/02/2025, trẻ Nguyễn Thị Kim C và trẻ Nguyễn Kim Uyên đều có nguyện vọng muốn sống cùng mẹ trong trường hợp ba mẹ ly hôn. Tại Bản tự khai ngày 21/3/2025, nguyên đơn trình bày hiện bà đang kinh doanh, buôn bán tại Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Bình Điền có thu nhập hàng tháng dao động từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Hàng ngày bà đưa đón con đi học, các chi phí sinh hoạt, học tập của các con do bà chi trả. Như vậy, bà G có điều kiện để chăm lo, đảm bảo việc học tập, sinh hoạt của các con.

[10] Ngày 24/02/2025, Tòa án đã ban hành Thông báo số 484/TB-TA về việc yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T cung cấp tài liệu chứng cứ về mức thu nhập trung bình hàng tháng, điều kiện, khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bảng kê chi tiết phí sinh hoạt trung bình một tháng của các con chung nhưng đến nay ông T không giao nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy, ông T có yêu cầu nuôi dưỡng con chung nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có

cơ sở xem xét. Đồng thời, ông T cũng vắng mặt không tham gia các phiên tòa xét xử cho thấy ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình cho nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[11] Nhận thấy, trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C đều là giới tính nữ nên cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt từ người mẹ. Sau khi xem xét nguyện vọng của hai trẻ và quyền lợi về mọi mặt của các trẻ cũng như nhằm đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý cho các trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy bà G yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C cho bà Kim Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[12] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà G về việc bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[13] Về tài sản chung: Bà G và ông T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[14] Về nợ chung: Bà G và ông T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[15] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 91, khoản 4 Điều 147, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010);

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 và Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị G về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14/HT2010, quyển số: 01 đăng ký ngày 25/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Ủy ban nhân dân xã Hòa Khánh, tỉnh Tây Ninh).

1.2. Về con chung: Bà Kim Thị G và ông Nguyễn Hoàng T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Kim Uyên, sinh ngày: 09/10/2007 và Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày: 27/11/2010.

Giao trẻ Nguyễn Kim Uyên và trẻ Nguyễn Thị Kim C cho bà Kim Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Hoàng T cho đến khi bà Kim Thị G có yêu cầu.

Ông Nguyễn Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Kim Thị G và ông Nguyễn Hoàng T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Kim Thị G và ông Nguyễn Hoàng T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Kim Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Kim Thị G đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0051796 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Kim Thị G đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Kim Thị G và ông Nguyễn Hoàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 10, TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Hòa Khánh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền